

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT XÂY DỰNG PHÚ NHUẬN

*Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán*

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	05 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận là một doanh nghiệp cổ phần hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103003847 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 9 năm 2005; đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25 tháng 7 năm 2006; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 03 tháng 07 năm 2009; Đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 18 tháng 6 năm 2010.

Lĩnh vực Kinh doanh

- Xây dựng và thiết kế kiến trúc công trình công nghiệp và dân dụng; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp.

- Kinh doanh nhà. Trang trí nội ngoại thất. Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở).

- Lập dự án đầu tư. San lấp mặt bằng, thi công công trình hạ tầng (đường, hệ thống thoát nước). Lập luận chứng kinh tế kỹ thuật. Đầu tư, xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp. Lắp ghép kết cấu thép, khung nhà tiền chế (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải)

- Xử lý nền móng công trình. Thi công ép cọc. Xây dựng công trình giao thông. Đo vẽ bản đồ. Lập dự toán, tổng dự toán của các công trình dân dụng và công nghiệp. Kiểm định các công trình xây dựng. Tư vấn đấu thầu

- Kinh doanh khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng (trừ khám chữa bệnh), khu thương mại (không kinh doanh tại trụ sở). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi. Môi giới bất động sản. Dịch vụ quản lý chung cư. Mua bán vật liệu trang trí nội ngoại thất và các cấu kiện bê tông đúc sẵn, các cấu kiện kết cấu thép, cửa các loại, máy móc thiết bị công cụ ngành xây dựng. Cho thuê máy móc thiết bị, công cụ ngành xây dựng. Thiết kế quy hoạch xây dựng. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thẩm tra thiết kế và tổng dự toán. Sản giao dịch bất động sản. Quản lý dự án. Kinh doanh khách sạn; nhà hàng ăn uống (khách sạn phải đạt tiêu chuẩn sao và không kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống tại trụ sở).

- Sản xuất đồ gỗ xây dựng (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất sắt, thép, gang (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở); Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở); Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sửa chữa máy móc thiết bị (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở); Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ kinh doanh bến bãi ô tô); Bốc xếp hàng hóa; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Đại lý; Môi giới (trừ môi giới bất động sản); Đấu giá .

- Vệ sinh chung nhà cửa; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Dịch vụ giữ xe; Hoạt động thể thao khác; Sửa chữa thiết bị & đồ dùng gia đình (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú; Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình

Trụ sở chính: Lầu 2, Lô C Cao ốc Pntechcons, số 48 Hoa Sứ, Phường 7, Quận Phú Nhuận - TP.HCM

Tổng vốn điều lệ là **55.425.900.000 VND** (Năm mươi lăm tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu chín trăm ngàn đồng)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Các chi nhánh

Chi nhánh 1 Trung Tâm Xây Dựng Vinh Tiến
Chi nhánh 2 Trung Tâm Thiết kế An Gia
Chi nhánh 3 Sàn Giao Dịch Bất Động Sản Phúc Lộc

Địa chỉ

48 Hoa sứ Lầu 2 Lóc C Cao Ốc PNTECHCONS
48 Hoa sứ Lầu 2 Lóc C Cao Ốc PNTECHCONS
48 Hoa sứ Lầu 2 Lóc C Cao Ốc PNTECHCONS

Công ty liên kết, liên doanh

DNTN TM & XD Anh Dũng
Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Gia Định
Công Ty Thuốc Sát Trùng Việt Nam (*)
Phòng khám Đa Khoa Nancy

Vốn đầu tư

55.502.267.907 VND
25.017.094.584 VND
42.873.425.000 VND
1.050.000.000 VND

(*) Hợp đồng hợp tác liên doanh dự án đất với Công ty Thuốc Sát Trùng Việt Nam

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 27.439.977.296 VND (Năm 2009 lợi nhuận sau thuế là 37.388.552.072 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 là 10.294.613.316 VND (Năm 2009 lợi nhuận chưa phân phối là 21.293.733.720 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông : Văn Bá Tuấn	Chủ tịch
Bà: Lê Hồng Nhung	Thành viên
Ông : Nguyễn Thành Nhơn	Thành viên
Ông : Phạm Hồng Chí	Thành viên
Ông : Lê Hữu Sơn	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông : Văn Bá Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Thành Nhơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Phạm Hồng Chí	Kế Toán Trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Nghiêm Bá Bích	Trưởng ban kiểm soát
Nguyễn Trọng Đồng	Thành viên
Nguyễn Thị Vân	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2011

TM. Hội đồng quản trị
Chủ tịch


Văn Bá Tuấn

Số: 147/BCKT/TC**BÁO CÁO KIỂM TOÁN****Về Báo cáo Tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận****Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận được lập ngày 19 tháng 02 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2011**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)****Giám đốc****LÊ VĂN TUẤN**

Chứng chỉ KTV số: 0479 /KTV

Kiểm toán viên**ĐỖ KHẮC THANH**

Chứng chỉ KTV số: Đ0064/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

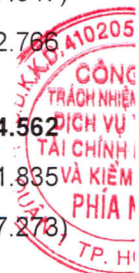
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh		
			31/12/2010	01/01/2010
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		164.225.586.812	179.617.239.007
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	96.482.394.472	107.359.043.927
111	1. Tiền		5.327.224.442	1.656.284.111
112	2. Các khoản tương đương tiền		91.155.170.030	105.702.759.816
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
121	1. Đầu tư ngắn hạn			
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		21.769.881.793	22.750.491.569
131	1. Phải thu khách hàng		11.972.244.867	15.796.560.904
132	2. Trả trước cho người bán		3.446.284.968	2.853.528.991
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		5.749.799.848	2.608.561.590
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác	04	601.552.110	1.491.840.084
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
140	IV. Hàng tồn kho		26.939.626.893	42.546.480.433
141	1. Hàng tồn kho	05	26.939.626.893	42.546.480.433
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		19.033.683.654	6.961.223.078
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		45.857.794	233.716.625
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.840.031.837	1.942.064.281
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	06	3.786.389.810	
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		11.361.404.213	4.785.442.172
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		174.313.226.488	160.704.446.640
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
220	II. Tài sản cố định		44.136.474.504	26.882.077.190
221	1. Tài sản cố định hữu hình	07	4.275.569.198	2.888.650.774
222	- Nguyên giá		6.911.219.849	5.190.229.594
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.635.650.651)	(2.301.578.820)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	08	11.579.741.938	11.865.143.650
228	- Nguyên giá		12.238.661.597	12.238.661.597
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(658.919.659)	(373.517.947)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	28.281.163.368	12.128.282.766
240	III. Bất động sản đầu tư	10	5.385.181.835	5.333.614.562
241	- Nguyên giá		5.385.181.835	5.385.181.835
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			(51.567.273)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		124.492.787.491	128.301.299.138
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		124.442.787.491	118.123.299.138
258	3. Đầu tư dài hạn khác	11	50.000.000	10.178.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
260	V. Tài sản dài hạn khác		298.782.658	187.455.750
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	298.782.658	187.455.750
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
268	3. Tài sản dài hạn khác			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		338.538.813.300	340.321.685.647



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		258.457.365.454	267.416.213.982
310	I. Nợ ngắn hạn		105.886.269.895	82.315.418.614
311	1. Vay và nợ ngắn hạn			
312	2. Phải trả người bán		1.153.675.484	1.940.800.901
313	3. Người mua trả tiền trước		27.225.590.821	24.768.913.203
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.518.609.063	1.377.629.114
315	5. Phải trả người lao động		1.437.724.102	1.527.936.509
316	6. Chi phí phải trả	14	16.884.474.315	9.162.043.309
317	7. Phải trả nội bộ		6.058.380.347	2.608.561.591
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		14.725.455	2.564.730
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	49.168.380.379	39.727.367.809
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.424.709.929	1.199.601.448
330	II. Nợ dài hạn		152.571.095.559	185.100.795.368
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	
333	3. Phải trả dài hạn khác		4.118.471.424	340.586.304
334	4. Vay và nợ dài hạn	16	31.159.463.520	1.696.000.000
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		97.688.962	97.688.962
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn	17	53.644.315.135	55.596.763.530
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		63.551.156.518	127.369.756.572
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		80.081.447.846	72.905.471.665
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	80.081.447.846	72.905.471.665
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		55.425.900.000	41.363.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(5.300.000)	(1.500.000)
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		10.261.250.774	7.517.253.044
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4.104.983.756	2.732.984.901
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.294.613.316	21.293.733.720
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
422	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
432	2. Nguồn kinh phí			
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		338.538.813.300	340.321.685.647

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại - USD			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tường Vân

Kế toán trưởng

Phạm Hồng Chí

Tổng Giám đốc



Văn Ba Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	163.688.593.062	216.556.893.735
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	163.688.593.062	216.556.893.735
11	4. Giá vốn hàng bán	22	120.019.394.596	164.687.065.919
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.669.198.466	51.869.827.816
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	15.553.064.644	16.554.163.954
22	7. Chi phí tài chính			
23	Trong đó: Chi phí lãi vay			
24	8. Chi phí bán hàng			
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		23.083.620.919	19.237.515.345
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		36.138.642.191	49.186.476.425
31	11. Thu nhập khác		447.994.203	664.926.337
32	12. Chi phí khác			
40	13. Lợi nhuận khác		447.994.203	664.926.337
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		36.586.636.394	49.851.402.762
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	9.146.659.099	12.462.850.691
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>27.439.977.296</u>	<u>37.388.552.072</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	25	5.532	9.039

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tường Vân

Kế toán trưởng

Phạm Hồng Chí

Tổng Giám đốc

Văn Bá Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		133.959.286.672	103.073.025.249
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(61.294.509.193)	(73.791.035.069)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(27.970.149.313)	(22.682.898.035)
04	4. Tiền chi trả lãi vay			
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(14.724.758.723)	(11.519.475.184)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		302.081.390.970	204.405.775.869
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(375.594.185.944)	(235.797.172.886)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(43.542.925.531)	(36.311.780.056)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(121.830.091)	(2.363.207.507)
22	2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		7.600.000	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.		(6.319.488.353)	(45.624.347.499)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.		10.128.000.000	
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.054.400.000	
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		8.748.681.556	(47.987.555.006)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		30.000.000.000	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(3.810.000)	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được			
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(536.536.480)	(5.319.995.579)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.542.059.000)	(7.433.349.840)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		23.917.594.520	(12.753.345.419)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(10.876.649.455)	(97.052.680.481)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		107.359.043.927	204.411.724.408
61	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		96.482.394.472	107.359.043.927



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2011

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tường Vân

Phạm Hồng Chí



Văn Bá Tuấn